

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HƯNG YÊN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *2322*/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày *02* tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý và phân công nhiệm vụ về lĩnh vực quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 2770/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040.

Căn cứ Công văn số 989-CV/VPTU ngày 30/9/2020 của Văn phòng Tỉnh ủy thông báo ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đồ án Quy hoạch vùng huyện Tiên Lữ;

Căn cứ ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp Giao ban Chủ tịch và các Phó Chủ tịch ngày 07/9/2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 229/BCTĐ-SXD ngày 30/9/2020.

1	Đất xây dựng dân dụng			1.200		1.960		2.300
1.1	Đất xây dựng đô thị	150		140		810		1.100
1.2	Đất xây dựng nông thôn			1.060		1.150		1.200
2	Đất công nghiệp (theo quy hoạch ngành)			90		400		400
3	Đất dịch vụ			50		400		600
4	Đất nông nghiệp			5.500		3.500		2.500
4.1	Nông nghiệp gắn với đô thị			200		500		
4.2	Nông nghiệp gắn với nông thôn	250-400		5.300		3.000		2.100
5	Các loại đất chuyên dụng khác			1.019		1.599		2.059
Tổng quỹ đất dự báo				7.859		7.859		7.859

6. Mô hình phát triển không gian vùng

- Cấu trúc phát triển không huyện Tiên Lữ được lựa chọn là cấu trúc đa trung tâm, trong đó ngoài khu vực trung tâm huyện sẽ phát triển thêm các khu vực trung tâm mới nhằm thúc đẩy phát triển các khu vực trong toàn huyện theo vị thế và tiềm năng, cụ thể như sau:

- Cục trung tâm huyện: Phát triển trên cơ sở khu vực trung tâm huyện và thị trấn Vương được mở rộng ra địa bàn các xã Ngô Quyền, Dị Chế. Tính chất là trung tâm công nghiệp, dịch vụ, đô thị của huyện Tiên Lữ. Đây là cực phát triển trên cơ sở trung tâm thị trấn Vương và khu vực đô thị hóa mở rộng phát triển trên trục đường Quốc lộ 38B và đường tỉnh ĐT.376. Cục này phát triển đô thị truyền thống gắn với các hoạt động dịch vụ đời sống và sinh hoạt cộng đồng đô thị, tại đây sẽ bố trí khu trung tâm hành chính đô thị. Đây là khu vực thuận lợi phục vụ cho các cơ sở kinh tế được xây dựng đợt đầu như: cụm công nghiệp Ngô Quyền. Cục phát triển này có quan hệ mật thiết với sự phát triển của thành phố Hưng Yên thông qua tuyến Quốc lộ 38B, việc phát triển công nghiệp, dịch vụ được gắn với thành phố Hưng Yên.

- Cục phía Tây: Phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ tại khu vực xã Nhật Tân. Với lợi thế của tuyến đường nối 2 đường cao tốc sẽ rất thuận tiện cho sự phát triển dịch vụ thương mại. Khu vực này là nhân tố thúc đẩy phát triển vùng phía Tây với vai trò là đầu mối giao thương phát triển công nghiệp, dịch vụ, khai thác những lợi thế gắn với tuyến đường nối 2 đường cao tốc và tuyến đường Quốc lộ 38B.

- Cục phía Tây Nam: Phát triển tại khu vực xã Thiện Phiến; thị tứ Ba Hàng, xã Thủ Sỹ. Đây là khu vực có lợi thế liền kề khu trung tâm thành phố Hưng Yên, khu đại học Phố Hiến. Tại đây bố trí các công trình công cộng, thương mại dịch vụ phục vụ nhu cầu của người dân các xã khu vực phía Tây Nam huyện. Đây sẽ là một trung tâm dịch vụ liên vùng của huyện về giao thương với thành phố Hưng Yên và tỉnh Thái Bình thông qua lợi thế gắn với tuyến đường Quốc lộ 39A.

- Cực phía Đông Nam: Phát triển tại khu trung tâm xã Thụy Lôi. Khu vực này đã từng là trung tâm của huyện Tiên Lữ trong nhiều thập kỷ trước. Đây là trung tâm dịch vụ giao thương trên sông Luộc của vùng huyện cũng như vùng phía Đông Nam tỉnh Hưng Yên thông qua công trình cảng Thụy Lôi dự kiến; là trung tâm vùng phát triển nông nghiệp và dịch vụ du lịch của huyện Tiên Lữ.

- Cực phía Nam: Phát triển tại khu trung tâm xã Hải Triều. Đây là một trung tâm mới được phát triển khi tuyến đường tránh Quốc lộ 38B được xây dựng và phát triển đô thị trên cơ sở lợi thế tuyến đường tỉnh ĐT.376 chạy qua. Khu vực này được phát triển theo 4 phía và là một trung tâm dịch vụ liên vùng của huyện về giao thương với thành phố Hưng Yên, tỉnh Thái Bình và tỉnh Hải Dương.

- Song song với hình thành các cực phát triển, không gian huyện Tiên Lữ cũng hình thành các hành lang phát triển kết nối các cực với nhau, được hình thành trên cơ sở các tuyến giao thông cấp vùng, cấp tỉnh như sau:

+ Hành lang Bắc - Nam: Hành lang này dọc theo tuyến đường tỉnh ĐT.376; đường nối 2 đường cao tốc, qua thị trấn Vương và các xã Ngô Quyền, Hưng Đạo, Dị Chế, Hải Triều, Thủ Sỹ, Nhật Tân. Đây là hành lang định hướng phát triển đô thị với các xã có dân cư đông đúc, hệ thống hạ tầng dịch vụ đã hình thành tương đối đầy đủ.

+ Hành lang Đông - Tây: Hành lang này dọc theo Quốc lộ 38B, đường tránh Quốc lộ 38B, qua các xã: Thủ Sỹ, Thiện Phiến, Hải Triều, Đức Thắng, Thụy Lôi, Trung Dũng, Cương Chính đây là hành lang định hướng phát triển kinh tế tổng hợp, chủ yếu phát triển nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp, dịch vụ, du lịch.

7. Định hướng phát triển đô thị giai đoạn 2021-2030

- Đô thị Vương: Thị trấn Vương và vùng đô thị hoá phía Bắc xã Dị Chế, 1 phần phía Tây - Nam xã Ngô Quyền và phía Bắc xã An Viên.

+ Quy mô dân số: đến năm 2030: Dân số khoảng 2,76 vạn người; đến năm 2030 đất xây dựng đô thị khoảng 400 ha.

- Tính chất: Là huyện lỵ, trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa - giáo dục của huyện Tiên Lữ; là trung tâm công nghiệp - dịch vụ của huyện.

- Các đô thị được phát triển tại khu vực xã:

+ Đô thị Thụy Lôi: Quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 0,82 vạn người; đất xây dựng đô thị khoảng 120 ha. Đến năm 2020 đạt tiêu chuẩn đô thị loại V. Tính chất: Là trung tâm kinh tế - văn hóa của khu vực liên xã phía Đông - Nam huyện Tiên Lữ. Hướng phát triển: Tập trung phát triển dọc theo tuyến đường tránh Quốc lộ 38B và đường ĐT.378.

- Đô thị Nhật Tân: Quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 0,93 vạn người; đất xây dựng đô thị khoảng 150 ha. Đến năm 2025 đạt tiêu chuẩn đô thị loại V. Tính chất: Là trung tâm kinh tế - văn hóa của khu vực phía Tây - Bắc huyện Tiên Lữ. Hướng phát triển: Tập trung phát triển dọc theo tuyến đường Quốc lộ 38B và đường ĐH.72.

- Đô thị Thiện Phiến - Thủ Sỹ: Quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 0,9 vạn người; đất xây dựng đô thị khoảng 140 ha. Đến năm 2025 đạt tiêu chuẩn đô thị loại V. Tính chất: Là trung tâm kinh tế - văn hóa của khu vực phía Tây - Nam huyện Tiên Lữ. Hướng phát triển: Tập trung phát triển dọc theo các tuyến Quốc lộ 39A, đường ĐH.72 và đường tránh Quốc lộ 38B.

8. Định hướng phát triển nông thôn

Khu vực phát triển nông thôn: Là vùng xây dựng và phát triển theo mô hình nông thôn mới gồm có các xã: Cương Chính, Hưng Đạo, Lệ Xá, Minh Phượng, Trung Dũng và một phần phía Bắc xã Đức Thắng, phía Nam xã Dị Chế và An Viên (Tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 4.100ha).

- Tiếp tục phát triển các vùng dân cư nông thôn theo cấu trúc mạng như hiện nay. Tuân thủ định hướng của các đề án quy hoạch nông thôn mới đã được duyệt. Trong đó, hình thành bổ sung các cụm điểm công trình công cộng, dịch vụ hỗn hợp tại các khu thị tứ cũ, các khu có điều kiện phát triển mới. Ưu tiên sử dụng cho phát triển kinh tế dịch vụ nông thôn. Cải tạo chỉnh trang các khu dân cư nông thôn mới theo kiểu đô thị hoá tại các thị tứ, phát triển một số diện tích dân cư mới.

- Thúc đẩy quá trình đầu tư xây dựng theo hướng nhất thể hoá đô thị và nông thôn, từng bước xóa bỏ sự phát triển chênh lệch giữa các vùng, nâng cao điều kiện và chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế và hạ tầng kỹ thuật.

9. Tổ chức hệ thống hạ tầng xã hội

- Trung tâm hành chính:

+ Trung tâm hành chính cấp huyện: Các công trình hành chính cấp huyện hiện nay phân tán và có quy mô xây dựng nhìn chung còn nhỏ so với nhu cầu sử dụng như khu UBND huyện, Huyện ủy, trụ sở các ngành, bưu điện, quản lý thị trường, tòa án... Đề nghị bố trí quy hoạch tập trung một khu hành chính mới tại vị trí dịch chuyển về phía Tây theo dự án của huyện đang trình với quy mô diện tích khoảng 50ha. Các công trình hiện hữu sẽ có hướng chuyển đổi sang đất cơ quan, công trình công cộng của thị trấn hoặc chuyển thành đất công trình công cộng, dịch vụ.

+ Trung tâm hành chính cấp xã: Gồm trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã, trụ sở công an, bưu điện văn hóa xã... được bố trí hoặc cải tạo theo đề án quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt... Đồng thời có thể cải tạo mở rộng theo yêu cầu phát triển của từng xã và phù hợp với các quy định của Nhà nước.

- Trung tâm thương mại - dịch vụ: Định hướng xây dựng các chợ đầu mối, mỗi khu có diện tích khoảng 7 - 10ha, được bố trí tại các đầu mối giao thông chính, tại các trung tâm đô thị như thị trấn Vương và trung tâm các khu vực phát triển khác.

- Trung tâm giáo dục, đào tạo: Xây dựng hoàn chỉnh các dự án các trường đại học đang xây dựng hoặc đã có chủ trương như cụm đại học Phố Hiến. Quy hoạch đất để thu hút, tiếp nhận các trường đại học, cao đẳng vào huyện theo quy hoạch đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt nhằm đảm bảo phục vụ nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực cho huyện, tỉnh và toàn vùng ĐBSH; các công trình cấp tiểu học và phổ thông cơ sở được bố trí theo mạng lưới của ngành với dự kiến mỗi xã 1 cụm trường cấp 1,2 có diện tích từ 3 - 4ha.

- Trung tâm văn hóa - thể thao: Hoàn thành tổ hợp trung tâm văn hóa - thể thao cấp huyện tại thị trấn bao gồm nhà văn hóa - hội trường kết hợp với công viên cây xanh, quảng trường, công viên giải trí, nhà tưởng niệm liệt sỹ... theo quy hoạch chung thị trấn Vương đã được phê duyệt. Tại mỗi xã yêu cầu xây dựng ít nhất một nhà văn hóa tổng hợp, bố trí trong các khu trung tâm tổng hợp của các xã.

- Trung tâm y tế: Nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện hiện hữu đảm bảo tiêu chuẩn phục vụ theo nhu cầu phát triển dân số. Mỗi xã được bố trí một trung tâm y tế nằm trong các trung tâm tổng hợp của các xã, mỗi khu có diện tích khoảng 0,5 - 1ha.

- Trung tâm thể dục thể thao: Ngoài 1 sân thể thao của huyện đã được xây dựng và đưa vào sử dụng, cần bố trí thêm 1 khu trung tâm phức hợp thể thao có vị trí giáp đường tỉnh ĐT.376 và đường quy hoạch. Trung tâm TDTT cấp xã được bố trí trong các khu trung tâm tổng hợp cấp các xã. Tổng số có 15 khu (tương ứng với 15 xã, thị trấn), mỗi khu có diện tích khoảng 1,5 - 2ha.

- Các khu công viên cây xanh: Phát triển hệ thống công viên cây xanh theo nguyên tắc tập trung tại các khu vực đô thị, phân tán tại các khu nông thôn. Hệ thống cây xanh đảm bảo tiêu chuẩn từ 6 - 8m²/ng.

10. Các khu vực bảo vệ cảnh quan, môi trường

- Vùng cảnh quan dọc theo sông Luộc: Đây là vùng rộng khoảng 500ha triền sông được xây dựng khu sản xuất nông nghiệp và sinh thái. Quan điểm là tạo môi trường sinh thái - cảnh quan cho khu vực và là hành lang phân định tính chất của vùng;

- Vùng cảnh quan dọc theo 2 bên đường Quốc lộ 38B, đường ĐT.376: Đây là tuyến cảnh quan nhân tạo được hình thành bởi các nhân tố như: Kiến trúc các khu hành chính, các cửa hàng, cửa hiệu, tuyến sông... dọc đường Quốc lộ 38B, đường ĐT.376, các trang thiết bị kỹ thuật dọc theo tuyến đường. Các khu vực này được thiết kế hài hòa theo nguyên tắc tuyến điểm, tạo điểm nhấn, có nét biểu trưng cần được kiểm soát nghiêm ngặt về thiết kế.

- Vùng bảo tồn các khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh: Đây là vùng cần được bảo tồn, bảo vệ nguyên vẹn hiện trạng, hạn chế việc xây dựng quá nhiều các công trình kiến trúc mới, gây mất đi giá trị lịch sử và tự nhiên của vùng. Một số công trình khu di tích như: Đền Đạu An, đền Vương. Các khu vực phụ cận với

các vùng này có thể bố trí xây dựng một số công trình dịch vụ, phụ trợ nhằm phục vụ nhu cầu thăm quan, nghỉ ngơi của khách du lịch, thăm viếng. Các công trình mới này phải được quản lý nghiêm ngặt về hình thái kiến trúc xây dựng sao cho phù hợp với không gian kiến trúc, cảnh quan của vùng bảo tồn.

11. Định hướng quy hoạch hệ thống giao thông

a) Giao thông đối ngoại

- Phát triển hệ thống giao thông đối ngoại bằng đường bộ trên cơ sở nâng cấp các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ cũ, các tuyến giao thông liên vùng theo các dự án đã và đang thực hiện.

- Các tuyến đường giao thông đối ngoại gồm: Đường nối 2 đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình, Quốc lộ 38B, Quốc lộ 39A; đường ĐT.376, đường ĐT.378.

b) Đường đô thị: Bao gồm các tuyến liên kết các cực phát triển của các đô thị. Mặt cắt đường được thiết kế từ 30 - 40m gồm 4 - 6 làn xe chạy, dải phân cách giữa rộng 1,0 - 3m, vỉa hè rộng từ 5 - 7m.

c) Đường ngoài đô thị: Chính trang nâng cấp các tuyến đường trong toàn tỉnh phục vụ lợi ích toàn dân, một số trục chính nâng cấp đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng, các trục đường còn lại đạt cấp V đồng bằng. Đến năm 2040 toàn bộ các đường huyện quản lý đạt cấp III, IV đồng bằng.

d) Đường thủy: Tuyến sông Luộc là tuyến vận tải đường thủy nội tỉnh có thể lưu thông với các tỉnh Hải Dương, Thái Bình. Đề xuất cải tạo, nạo vét luồng lạch, nâng cấp kỹ thuật toàn tuyến đạt tiêu chuẩn sông cấp III.

e) Đường sắt: Phát triển tuyến đường sắt nội tỉnh theo quy hoạch định hướng của Quy hoạch giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch hệ thống đường sắt, ga đầu mỗi vùng thủ đô Hà Nội (Đã được phê duyệt).

f) Công trình đầu mối giao thông

- Bến xe: Theo đề án điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải Hưng Yên giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030 thì quy hoạch mới 2 bến xe bao gồm: Bến xe giáp nút giao Quốc lộ 38B và đường nối 2 đường cao tốc tại xã Nhật Tân - Tiên Lữ với diện tích 21,6 ha; Bến xe tại xã Thiện Phiến - Tiên Lữ gần cầu Triều Dương với diện tích 3,8 ha.

- Cầu đường bộ, nút giao thông: Nâng cấp các cầu hiện trạng theo các tuyến giao thông trong khu vực theo các chương trình dự án đã được hoạt định theo các khu vực hoặc theo mạng lưới của tỉnh; Nút giao thông khác cốt, đầu nối đường khu vực với tuyến đường bộ mới tuân thủ hệ thống nút giao thông khác cốt trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, cao tốc, đường sắt của tỉnh và của Quốc gia.

- Cảng, bến thủy, bến sông: Tiếp tục khai thác cảng Triều Dương, cảng Thụy Lôì là cảng tổng hợp cho vùng phía Đông - Nam tỉnh. Nâng cấp quy mô và công suất của cảng theo định hướng của quy hoạch giao thông tỉnh.

12. Quy hoạch san nền, thoát nước mưa

a) Quy hoạch san nền

Giải pháp chung về san nền là quy định các mốc khống chế cho từng khu vực, việc thực hiện quy hoạch còn phải xem xét cụ thể cho từng khu vực trên cơ sở điều kiện thực tế và các quy hoạch thành phần đã được thực hiện từ trước. Khu vực phát triển các đô thị, đô thị Vương và khu vực xung quanh có cao độ san nền khống chế $\geq +3,2\text{m}$, các khu vực còn lại cao độ san nền khống chế $\geq +3,0\text{m}$. Hướng dốc ra sông, kênh tiêu trong huyện.

b) Hệ thống thoát nước mưa

- Phương án quy hoạch:

+ Đối với khu vực phát triển đô thị: Khu vực thị trấn Vương hiện nay đã có một số tuyến thoát nước chung cần cải tạo, nạo vét, khơi thông dòng chảy tới các điểm xả ra nguồn, tại các điểm xả phải có các giếng tách nước thải để thu gom nước thải về trạm xử lý. Tại các khu vực chưa có hệ thống thoát nước, xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng.

+ Đối với các khu công nghiệp: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng.

+ Đối với khu vực các xã: Thoát nước chung ra các sông, kênh tiêu trong khu vực.

- Các lưu vực thoát nước chính: Toàn huyện có 2 hướng tiêu chính là tiêu ra sông Bắc Hưng Hải và tiêu ra Sông Luộc, cụ thể như sau:

+ Khu vực tiêu ra sông Bắc Hưng Hải bao gồm toàn bộ phần diện tích nằm giữa bờ phía Nam sông Cửu An Sông Luộc và được tiêu chủ yếu bởi trạm bơm Tổng Phan ra sông Cửu An.

+ Khu vực tiêu ra sông Luộc bao gồm toàn bộ phần diện tích phía Nam sông Hòa Bình khu vực này được tiêu chủ yếu bởi trạm bơm Triều Dương, Mai Xá ra sông Luộc.

13. Quy hoạch cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước toàn khu vực đến năm 2030 là: $43.500\text{m}^3/\text{ngđ}$ dự báo đến năm 2040 là: $50.300\text{m}^3/\text{ngđ}$.

- Để đảm bảo 100% dân số và CCN trong huyện được cấp nước sạch tập trung cần phải cải tạo, nâng cấp công suất các trạm cấp nước hiện nay theo từng giai đoạn phát triển và xây dựng mới các trạm cấp nước cụ thể như sau:

+ Nâng cấp công suất nhà máy cấp nước Hải Triều từ $5.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ lên $20.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ vào năm 2030 và giữ nguyên công suất đến năm 2040. Trạm này cấp nước cho các xã Hải Triều, Thiện Phiến, Liên Phương, An Viên, Đức Thắng, Trung Dũng, Lê Xá, Thủ Sĩ.

+ Nâng cấp công suất nhà máy cấp nước Cương Chính, công suất 5.000

$m^3/ngđ$ lên $20.000m^3/ngđ$ vào năm 2030 và giữ nguyên công suất đến năm 2040. Trạm này cấp nước cho các xã Cương Chính, Minh Phượng.

+ Nâng cấp công suất nhà máy cấp nước Hưng Đạo - Minh Hoàng, công suất 1.700 giữ nguyên công suất đến năm 2030 và nâng công suất lên $5.000m^3/ngđ$ vào năm 2040. Trạm này cấp nước cho các xã Hưng Đạo, Ngô Quyền và xã Minh Hoàng của huyện Phú Cù.

+ Nâng cấp công suất nhà máy cấp nước Thụy Lôi, công suất $1.000 m^3/ngđ$ lên $3.000m^3/ngđ$ vào năm 2030 và giữ nguyên công suất đến năm 2040. Trạm này cấp nước cho xã Thụy Lôi.

+ Xã Dị chế, thị trấn Vương tiếp tục được cấp từ nhà máy nước thành phố Hưng Yên.

+ Xã Nhật Tân tiếp tục được cấp từ nhà máy nước Phú Hưng.

14. Định hướng cấp điện

- Tổng nhu cầu dùng điện cho toàn khu vực đến năm 2030 là 112kW, định hướng đến năm 2040 là 134kW.

- Nguồn điện cung cấp cho huyện Tiên Lữ được lấy từ hệ thống điện Quốc gia thông qua các đường dây 110 kV và trạm biến áp 110/35/22 kV Phố Cao, có công suất 2x40MVA. Theo quy hoạch vùng Tỉnh, dự kiến xây dựng trạm biến áp 110/35/22 kV Tiên Lữ, có công suất 2x40MVA đến năm 2030 và nâng cấp công suất 2x63 MVA vào năm 2050.

15. Quy hoạch thoát nước thải, chất thải rắn và nghĩa trang

a) Thoát nước thải

- Tổng lượng nước thải phát sinh trong khu vực quy hoạch đến năm 2030 khoảng $26.000m^3/ngđ$, đến năm 2040 khoảng $30.250m^3/ngđ$.

- Phương án thoát nước thải:

+ Đối với các khu đã có hệ thống thoát nước chung (thị trấn Vương), xây dựng hệ thống cống bao, giếng tách nước thu gom nước thải về trạm xử lý kết hợp với nâng cấp cải tạo đường cống, rãnh.

+ Đối với các dự án đã và đang thực hiện trong huyện, hệ thống thoát nước thải phải đấu nối với hệ thống thoát nước thải quy hoạch để thuận tiện trong quản lý và kiểm soát về môi trường.

+ Đối với các khu vực xây dựng mới, mở rộng hoặc chưa có hệ thống thoát nước, xây dựng hệ thống thoát nước riêng dẫn nước thải về trạm xử lý.

+ Đối với các khu công nghiệp: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng và các trạm xử lý nước thải cục bộ trong khu.

+ Các xã trong huyện: Xây dựng hệ thống thoát nước chung. Nước thải của khu dân cư, các công trình công cộng được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của từng công trình sẽ được thoát ra các hồ sinh học trước khi xả ra sông, kênh mương trong khu vực.

b) Chất thải rắn (CTR)

- Tổng lượng chất thải phát sinh trong khu vực quy hoạch đến năm 2030 khoảng 101 tấn/ngđ, đến năm 2040 khoảng 115 tấn/ngđ.

- Định hướng sẽ thu gom toàn bộ rác thải sinh hoạt trong huyện về xử lý tập trung tại khu xử lý rác của huyện. CTR công nghiệp cần tận thu các phế liệu để tái chế, nhằm làm giảm khối lượng CTR cần vận chuyển và xử lý. Phần còn lại được chuyển đến xử lý tại khu xử lý CTR công nghiệp của tỉnh.

c) Nghĩa trang

- Về nguyên tắc, tất cả các nghĩa trang hiện có cần thiết phải di chuyển ra khỏi đô thị, tuy vậy do các điều kiện thực trạng, việc này cần làm từng bước gắn với giải pháp công viên hóa cho các nghĩa trang đã có trong đô thị. Các nghĩa trang tại khu vực các thôn, xã cần phải được phân loại, phải ngừng chôn lấp đối với các khu không đạt các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, có ảnh hưởng đến các chương trình kế hoạch phát triển của các địa phương.

- Dự kiến xây dựng 01 nghĩa trang tập trung cho huyện tại xã Hưng Đạo.

16. Quy hoạch hệ thống viễn thông thụ động, thông tin liên lạc

Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng mạng viễn thông có công nghệ hiện đại, độ phủ rộng khắp với thông lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao. Phát triển mạng lưới bưu chính rộng khắp trên địa bàn huyện, tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ bưu chính, nâng cao chất lượng phục vụ, từng bước áp dụng công nghệ mới và kỹ thuật hiện đại.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lữ có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đúng quy định để các tổ chức, cá nhân biết thực hiện.


- Tổ chức lập hồ sơ cắm mốc giới và triển khai cắm mốc giới theo quy định hiện hành.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan quản lý xây dựng trong phạm vi vùng quy hoạch đã được duyệt. Trong quá trình thực hiện quy hoạch xây dựng vùng huyện, UBND huyện Tiên Lữ chủ động phối hợp, cập nhật thông tin với quy hoạch cấp cao hơn để đề xuất điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp độ quy hoạch theo quy định hiện hành.

- Triển khai thực hiện đồ án quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch và phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan trong quá trình đầu tư xây dựng theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nội vụ, Công thương; Giám đốc Công ty Điện lực Hưng Yên; Chủ tịch UBND huyện Tiên Lữ và thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./..u

Nơi nhận: 9

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT1^D. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thế Cử